

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH BẮC KẠN** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 50/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày 09 tháng 12 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**

**Về kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Bắc Kạn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**  
**KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ 18**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;*

*Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm; Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020 - 2022; kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng và an ninh 05 năm 2021 - 2025;*

*Xét Tờ trình số 153/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Quyết định kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Bắc Kạn với những nội dung chủ yếu như sau:**

**1. Mục tiêu tổng quát**

Huy động và quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh. Tiếp tục cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước với phương châm thắt chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính đi đôi với cải cách hành chính; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; đảm bảo quốc phòng, an ninh. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tài chính, kiểm soát bội chi ngân sách nhà nước và nợ công.

## 2. Mục tiêu cụ thể

### a) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2021-2025 là 4.562 tỷ đồng, tăng 41,2% so với giai đoạn 2016-2020, trong đó:

- Thu nội địa: 4.512 tỷ đồng, tăng 41,3% so với giai đoạn 2016 - 2020;
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 50 tỷ đồng tăng 37,6% so với giai đoạn 2016 - 2020.

### b) Thu ngân sách địa phương:

Tổng thu ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 là 30.474 tỷ đồng, trong đó:

- Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp giai đoạn 2021-2025 là 3.962 tỷ đồng, tăng 42,9% so với giai đoạn 2016-2020.

- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 là 26.474 tỷ đồng, tăng 20,7% so với giai đoạn trước.

- Các khoản thu khác (*thu chuyển nguồn từ năm trước sang*): 37,987 tỷ đồng.

### c) Chi ngân sách địa phương:

Tổng chi ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025: 30.493,335 tỷ đồng, tăng 24,4% so với giai đoạn 2016 - 2020, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển là 11.074 tỷ đồng.

- Chi thường xuyên là 18.928 tỷ đồng.

- Chi trả nợ lãi là 21,78 tỷ đồng.

Tổng chi ngân sách địa phương chưa bao gồm chi Chương trình mục tiêu quốc gia, các Chương trình này sẽ được bổ sung khi Trung ương thông báo vốn giai đoạn 2021 - 2025 cho tỉnh.

### d) Bội chi, vay và trả nợ vay của ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025.

- Bội chi ngân sách là 19,804 tỷ đồng.

- Tổng số vay của ngân sách địa phương là 162,723 tỷ đồng.

- Tổng số trả nợ gốc là 142,919 tỷ đồng.

*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

## 3. Giải pháp thực hiện

### a) Giải pháp về thu ngân sách nhà nước:

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp nhất là công nghiệp chế biến, tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp, thương mại dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Tăng cường các giải pháp thu hút đầu tư, chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, khu dân cư. Quản lý, theo dõi chặt chẽ các nguồn thu ngân sách nhà nước, không bỏ sót nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước. Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của các tổ chức, hộ kinh doanh; rà soát, kiểm tra, hạn chế thấp nhất tình trạng nợ thuế, giảm dần số tiền và số đơn vị nợ thuế hàng năm, nhất là thuế khai thác khoáng sản và thuế xây dựng cơ bản.

- Có biện pháp quản lý đối với hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ điện tử; các khoản thu liên quan đến đất đai như thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, các khoản thu từ phí, lệ phí,..đảm bảo chặt chẽ, chống thất thu ngân sách nhà nước.

- Nâng cao tính chủ động và tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức ngành Thuế trong công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp quản lý nguồn thu ngân sách trên địa bàn, kịp thời đề xuất tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác thu ngân sách nhà nước. Phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách trên địa bàn và thu cân đối ngân sách hàng năm.

#### b) Giải pháp về chi ngân sách nhà nước:

- Thực hiện nghiêm Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các Luật có liên quan về quản lý tài sản, quản lý kinh phí của nhà nước. Xây dựng cơ cấu chi ngân sách hợp lý, tăng dần tỷ trọng chi đầu tư, giảm tỷ trọng chi thường xuyên trong tổng chi ngân sách.

- Phê duyệt chủ trương đầu tư đảm bảo sát, đúng định hướng phát triển của tỉnh, tránh dàn trải gây lãng phí ngân sách nhà nước. Tập trung bố trí vốn cho các dự án trọng tâm, trọng điểm sớm hoàn thành đưa vào sử dụng nhằm thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển. Nâng cao năng lực quản lý dự án của các chủ đầu tư để triển khai thực hiện các dự án đảm bảo đúng tiến độ, kịp thời giải ngân các nguồn vốn, sử dụng hết nguồn vốn được giao.

- Tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên để tạo nguồn vốn hỗ trợ xây dựng nông thôn mới. Quản lý chi ngân sách chặt chẽ, đúng mục đích, có hiệu quả và tiết kiệm, chủ động từ khâu lập, thẩm định và phân bổ dự toán. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong quản lý chi ngân sách nhà nước.

- Phát huy nội lực, tính chủ động trong thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách của các đơn vị, địa phương, hạn chế tình trạng cấp bổ sung kinh phí phát sinh ngoài dự toán, từng bước thực hiện quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ. Tiếp tục sắp xếp tinh giản bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, giảm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với khu vực sự nghiệp công.

- Tăng cường công tác theo dõi, kiểm tra việc quản lý sử dụng nguồn kinh phí, kết hợp hướng dẫn, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ đối với cán bộ làm công tác kế toán, tài chính các cấp. Tiếp tục thanh tra công tác quản lý tài chính tại các đơn vị sử dụng dụng ngân sách đảm bảo đúng mục đích, có hiệu quả, thực hiện nghiêm túc các kết luận của Thanh tra và Kiểm toán nhà nước.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khóa IX, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2020./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Kạn;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, HS. *Chh*

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hoàng Thu Trang**

## KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch giai đoạn 2016-2020	Thực hiện giai đoạn 2016-2020					Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	
			Tổng giai đoạn	2016	2017	2018	2019		Ước 2020
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
A	<b>TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GRDP) THEO GIÁ HIỆN HÀNH</b>	0	55.137.304	9.171.766	10.044.521	11.041.384	12.050.052	12.829.581	75.000.000
B	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	3.146.000	3.230.986	595.108	581.493	643.986	710.439	699.960	4.562.000
	<i>Tốc độ tăng thu NSNN trên địa bàn (%)</i>	34	59,6	23,4	-2,3	10,7	10,3	-1,5	41,2
	<i>Tỷ lệ thu NSNN so với GRDP (%)</i>	0	5,9	6,5	5,8	5,8	5,9	5,5	6,1
	<i>Tỷ lệ thu từ thuế, phí so với GRDP (%)</i>	0	4,3	4,4	4,1	4,5	4,2	4,2	4,5
I	<b>Thu nội địa</b>	3.106.000	3.194.647	592.911	579.449	642.240	695.087	684.960	4.512.000
	<i>Tốc độ tăng thu (%)</i>		52,9	33,2	-2,3	10,8	8,2	-1,5	41,2
	<i>Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)</i>		98,9	99,6	99,6	99,7	97,8	97,9	98,9
	<i>Trong đó: Thu tiền sử dụng đất</i>	353.000	473.329	68.776	97.819	85.646	101.688	119.400	505.000
	<i>Thu xổ số kiến thiết</i>	72.000	71.576	13.030	13.055	15.001	15.390	15.100	83.000
II	<b>Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu</b>	40.000	36.338	2.197	2.044	1.746	15.351	15.000	50.000
	<i>Tốc độ tăng thu (%)</i>		-66,3	-94,1	-7,0	-14,6	779,2	-2,3	37,6
	<i>Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)</i>	1,3	1,1	0,4	0,4	0,3	2,2	2,1	1,1
C	<b>TỔNG THU NSDP (I+II+III)</b>	23.395.965	29.599.489	4.578.156	5.156.916	6.194.909	6.446.922	7.222.586	30.473.531
	<i>Tốc độ tăng thu NSDP (%)</i>			-0,1	12,6	20,1	4,1	12,0	3,0
	<i>Tỷ lệ thu NSDP so với GRDP (%)</i>		53,7	49,9	51,3	56,1	53,5	56,3	40,6
I	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	2.791.118	2.784.614	494.916	513.174	572.272	600.142	604.110	3.961.600

STT	Nội dung	Kế hoạch giai đoạn 2016-2020	Thực hiện giai đoạn 2016-2020					Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	
			Tổng giai đoạn	2016	2017	2018	2019		Ước 2020
	Tốc độ tăng (%)		42,0	16,1	3,7	11,5	4,9	0,7	42,3
	Tỷ trọng trong tổng thu NSDP (%)	11,9	11,3	12,8	11,3	11,0	11,9	10,0	13,0
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>20.570.462</b>	<b>21.950.802</b>	<b>3.361.411</b>	<b>4.020.618</b>	<b>4.644.171</b>	<b>4.461.470</b>	<b>5.463.132</b>	<b>26.473.944</b>
	Tốc độ tăng (%)		36,3	-1,2	19,6	15,5	-3,9	22,5	20,6
	Tỷ trọng trong tổng thu NSDP (%)	88,1	88,7	87,2	88,7	89,0	88,1	90,0	87,0
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	12.870.065	12.870.065	1.492.057	2.802.252	2.802.252	2.858.252	2.915.252	15.459.310
-	Thu bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	1.274.702	1.274.702	629.079		114.536	194.592	336.495	1.706.113
-	Thu bổ sung có mục tiêu	6.425.695	7.806.035	1.240.275	1.218.366	1.727.383	1.408.626	2.211.385	9.308.520
<b>III</b>	<b>Các khoản thu khác (thu chuyển nguồn năm trước sang, thu kết dư ngân sách, thu ngân sách cấp dưới nộp lên,...)</b>	<b>34.385</b>	<b>4.864.073</b>	<b>721.829</b>	<b>623.124</b>	<b>978.466</b>	<b>1.385.310</b>	<b>1.155.344</b>	<b>37.987</b>
<b>D</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>23.332.315</b>	<b>24.512.988</b>	<b>4.020.058</b>	<b>4.067.582</b>	<b>4.860.496</b>	<b>5.258.274</b>	<b>6.306.578</b>	<b>30.493.335</b>
	Tốc độ tăng chi NSDP (%)		21,2	-1,4	1,2	19,5	8,2	19,9	24,4
	Tỷ lệ chi NSDP so với GRDP (%)		44,5	43,8	40,5	44,0	43,6	49,2	40,7
	Trong đó								
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>7.017.434</b>	<b>7.414.933</b>	<b>1.020.797</b>	<b>986.183</b>	<b>1.381.006</b>	<b>1.599.675</b>	<b>2.427.272</b>	<b>11.074.033</b>
	Tốc độ tăng (%)		102,1	-2,1	-3,4	40,0	15,8	51,7	49,3
	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)	30,1	30,2	25,4	24,2	28,4	30,4	38,5	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>15.945.360</b>	<b>16.721.957</b>	<b>2.884.195</b>	<b>3.042.899</b>	<b>3.380.263</b>	<b>3.538.294</b>	<b>3.876.306</b>	<b>18.928.231</b>
	Tốc độ tăng (%)		29,3	-0,3	5,5	11,1	4,7	9,6	13,2
	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)	68,3	68,2	71,7	74,8	69,5	67,3	61,5	
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	<b>3.708</b>	<b>4.535</b>		<b>1.735</b>	<b>376</b>	<b>424</b>	<b>2.000</b>	<b>21.780</b>
	Tốc độ tăng (%)					-78,3	12,8	371,7	480,3
	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)		0,019		0,043	0,008	0,008	0,032	0,071

STT	Nội dung	Kế hoạch giai đoạn 2016-2020	Thực hiện giai đoạn 2016-2020					Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	
			Tổng giai đoạn	2016	2017	2018	2019		Ước 2020
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		-						
E	<b>BỘI CHI/BỘI THU NSDP</b>	<b>231.990</b>	<b>249.961</b>		<b>154.006</b>	<b>26.089</b>	<b>19.466</b>	<b>50.400</b>	<b>19.804</b>
F	<b>TỔNG MỨC VAY, TRẢ NỢ CỦA NSDP</b>								
I	<b>Hạn mức dư nợ vay tối đa của NSDP</b>		<b>601.317</b>	<b>140.685</b>	<b>102.635</b>	<b>114.455</b>	<b>118.812</b>	<b>124.730</b>	<b>792.320</b>
II	<b>Mức dư nợ đầu kỳ (năm)</b>			<b>197.002</b>	<b>241.711</b>	<b>87.705</b>	<b>61.616</b>	<b>42.150</b>	<b>92.550</b>
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ (năm) so với mức dư nợ vay tối đa của NSDP (%)</i>			<i>140,0</i>	<i>235,5</i>	<i>76,6</i>	<i>51,9</i>	<i>33,8</i>	<i>11,7</i>
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ (năm) so với GRDP (%)</i>			<i>2,1</i>	<i>2,4</i>	<i>0,8</i>	<i>0,5</i>	<i>0,3</i>	<i>0,1</i>
III	<b>Trả nợ gốc vay trong kỳ (năm)</b>		<b>297.806</b>	<b>61.402</b>	<b>157.700</b>	<b>36.700</b>	<b>33.304</b>	<b>8.700</b>	<b>142.919</b>
-	Từ nguồn vay để trả nợ gốc		36.843		3.694	10.611	13.838	8.700	127.781
-	Từ nguồn bội thu NSDP; tăng thu, tiết kiệm chi; kết dư ngân sách cấp tỉnh		260.963	61.402	154.006	26.089	19.466		15.138
IV	<b>Tổng mức vay trong kỳ (năm)</b>		<b>193.354</b>	<b>106.111</b>	<b>3.694</b>	<b>10.611</b>	<b>13.838</b>	<b>59.100</b>	<b>162.723</b>
-	Vay để bù đắp bội chi		50.400					50.400	34.942
-	Vay để trả nợ gốc		42.954	6.111	3.694	10.611	13.838	8.700	127.781
-	Vay tồn ngân KBNN		100.000	100.000					
V	<b>Mức dư nợ cuối kỳ (năm)</b>			<b>241.711</b>	<b>87.705</b>	<b>61.616</b>	<b>42.150</b>	<b>92.550</b>	<b>112.354</b>
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ (năm) so với mức dư nợ vay tối đa của NSDP (%)</i>			<i>171,8</i>	<i>85,5</i>	<i>53,8</i>	<i>35,5</i>	<i>74,2</i>	<i>14,2</i>
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ (năm) so với GRDP (%)</i>			<i>2,6</i>	<i>0,9</i>	<i>0,6</i>	<i>0,3</i>	<i>0,7</i>	<i>0,1</i>